PHỤ LỤC 01

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kỳ báo cáo: Tháng 10 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số 82/BC-HCC ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)

STT	NGÀNH/LĨNH VỰC	CƠ QUAN PHỤ TRÁCH	Tổng	DVC trực tuyến		TT.HCC	
				Toàn trình	Một phần	Tiếp nhận	Không
A	**CẤP XÃ TIẾP NHẬN**		**397**	**240**	**157**	**380**	**17**
I	**CÔNG AN**		10	**0**	**10**	**5**	**5**
1	Chính sách	Phòng VHXH	4	0	4	4	0
2	Đăng ký, quản lý cư trú	Công an	2	0	2	0	2
3	Phòng cháy, chữa cháy	Công an	2	0	2	0	2
		Phòng KTHTĐT	1	0	1	1	0
4	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện	Công an	1	0	1	0	1
II	**CÔNG THƯƠNG**		4	**4**	**0**	**4**	**0**
6	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Phòng KTHTĐT	1	1	0	1	0
7	Điện lực	Phòng KTHTĐT	1	1	0	1	0
8	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Phòng KTHTĐT	2	2	0	2	0
III	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**		40	**1**	**39**	**40**	**0**
9	Giáo dục mầm non	Phòng VHXH	8	0	8	8	0
10	Giáo dục tiểu học	Phòng VHXH	4	1	3	4	0
11	Giáo dục trung học	Phòng VHXH	6	0	6	6	0
12	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Phòng VHXH	11	0	11	11	0
13	Giáo dục nghề nghiệp	Phòng VHXH	2	0	2	2	0
14	Giáo dục thường xuyên	Phòng VHXH	3	0	3	3	0
15	Các cơ sở giáo dục khác	Phòng VHXH	2	0	2	2	0
16	Kiểm định chất lượng giáo dục	Phòng VHXH	3	0	3	3	0
17	Thi, tuyển sinh	Phòng VHXH	1	0	1	1	0
IV	**NỘI VỤ**		65	**33**	**32**	**65**	**0**
18	Công chức, viên chức	Phòng VHXH	6	1	5	6	0
19	Đào tạo nghề	Phòng VHXH	1	1	0	1	0
20	Lao động	Phòng VHXH	1	1	0	1	0
21	Người có công	Phòng VHXH	39	15	24	39	0
22	Quản lý lao động ngoài nước	Phòng VHXH	1	1	0	1	0
23	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Phòng VHXH	14	14	0	14	0
24	Thi đua - khen thưởng	Phòng VHXH	3	0	3	3	0
V	**NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**		76	**41**	**35**	**76**	**0**
25	Biển và hải đảo	Phòng NNMT	4	0	4	4	0
26	Chăn nuôi	Phòng NNMT	2	2	0	2	0
27	Đất đai	Phòng NNMT	18	2	16	18	0
28	Địa chất và khoáng sản	Phòng NNMT	2	0	2	2	0
29	Giảm nghèo	Phòng NNMT	5	1	4	5	0
30	Kiểm lâm	Phòng NNMT	2	0	2	2	0
31	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Phòng NNMT	2	1	1	2	0
32	Lâm nghiệp	Phòng NNMT	7	4	3	7	0

33	Môi trường	Phòng NNMT	1	0	1	1	0
34	Nông nghiệp	Phòng NNMT	0	0	0	0	0
35	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	Phòng NNMT	2	2	0	2	0
36	Tài nguyên nước	Phòng NNMT	1	1	0	1	0
1	Thú y	Phòng NNMT	1	1	0	1	0
38	Thủy lợi	Phòng NNMT	17	16	1	17	0
39	Thủy sản	Phòng NNMT	6	5	1	6	0
	Thủy sản-tàu cá (chưa cấu hình trên DVC)	Phòng NNMT	4	4	0	4	0
40	Trồng trọt	Phòng NNMT	1	1	0	1	0
41	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng NNMT	1	1	0	1	0
VI	**QUỐC PHÒNG**		2	**1**	**1**	**2**	**0**
42	Bảo hiểm	Phòng NNMT	1	0	1	1	0
43	Ứng phó sự cố tràn dầu	Phòng NNMT	1	1	0	1	0
VII	**TÀI CHÍNH**		39	**32**	**7**	**39**	**0**
44	Quản lý công sản	Phòng TCKH	3	1	2	3	0
45	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	Phòng NNMT	1	1	0	1	0
46	Tài chính đất đai	Phòng NNMT	4	1	3	4	0
47	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Phòng TCKH	7	7	0	7	**0**
48	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác không đăng ký	Phòng KTHTĐT	2	2	0	2	**0**
49	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng KTHTĐT	20	20	0	20	**0**
50	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia	Phòng TCKH	2	0	2	2	0
VIII	**TƯ PHÁP**		71	**61**	**10**	**60**	**11**
51	Bồi thường nhà nước	VP.HĐND-UBND	1	1	0	1	0
52	Chứng thực	VP.HĐND-UBND	12	12	0	12	0
53	Giải quyết khiếu nại	VP.HĐND-UBND	1	0	1		1
54	Giải quyết tố cáo	VP.HĐND-UBND	1	0	1		1
55	Hộ tịch	VP.HĐND-UBND	39	39	0	36	3
56	Hòa giải cơ sở	VP.HĐND-UBND	5	5	0	5	0
57	Nuôi con nuôi	VP.HĐND-UBND	6	4	2	6	0
58	Phòng, chống tham nhũng	VP.HĐND-UBND	4	0	4	0	4
59	Tiếp công dân	VP.HĐND-UBND	1	0	1	0	1
60	Xử lý đơn thư	VP.HĐND-UBND (Ban tiếp công dân)	1	0	1	0	1
IX	**VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**		14	**12**	**2**	**14**	**0**
61	Di sản văn hóa	Phòng VHXH	2	2	0	2	0
62	Gia đình	Phòng VHXH	2	2	0	2	0
63	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Phòng VHXH	3	3	0	3	0
64	Thể dục thể thao	Phòng VHXH	1	1	0	1	0
65	Văn hóa	Phòng VHXH	3	2	1	3	0
66	Xuất bản, in và phát hành	Phòng VHXH	3	2	1	3	0
X	**XÂY DỰNG**		44	**43**	**1**	**44**	**0**

67	Đường bộ	Phòng KTHTĐT	4	4	0	4	**0**
68	Hạ tầng kỹ thuật	Phòng KTHTĐT	1	1	0	1	**0**
69	Hàng hải và đường thủy nội địa	Phòng KTHTĐT	23	23	0	23	**0**
70	Hoạt động xây dựng	Phòng KTHTĐT	7	6	1	7	**0**
71	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng KTHTĐT	1	1	0	1	**0**
72	Nhà ở và công sở	Phòng KTHTĐT	2	2	0	2	**0**
73	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Phòng KTHTĐT	1	1	0	1	**0**
74	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Phòng KTHTĐT	5	5	0	5	
XI	**Y TẾ**		32	**12**	**20**	**31**	**1**
75	Bảo trợ xã hội	Phòng VHXH	9	1	8	9	0
76	Công tác dân tộc	Phòng VHXH	2	2	0	2	0
77	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Phòng VHXH	4	0	4	4	0
78	Tín ngưỡng, tôn giáo	Phòng VHXH	9	9	0	9	0
79	Trẻ em	Phòng VHXH	6	0	6	6	0
80	An toàn thực phẩm	Phòng VHXH	1	0	1	1	0
81	Bảo hiểm Y tế	TTYT	1	0	1	0	1
B	**CẤP TỈNH - NGÀNH DỌC TIẾP NHẬN**		**39**	**26**	**13**	**39**	**0**
I	**CHI NHÁNH VP ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI PQ**		**15**	6	9	**15**	**0**
1	Đất đai	CNVPĐĐPQ	15	6	9	15	0
II	**BẢO HIỂM XÃ HỘI**		24	**20**	**4**	**24**	**0**
1	Lĩnh vực thu BHXH, BHYT,	BHXHPQ	3	3		3	0
2	Lĩnh vực cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	BHXHPQ	1	1		1	0
3	Lĩnh vực chính sách BHXH	BHXHPQ	17	15	2	17	0
4	Lĩnh vực thực hiện chính sách BHYT	BHXHPQ	3	1	2	3	0
C	**LIÊN THÔNG**		**3**	**3**	**0**	**3**	**0**
1	Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế - Cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi	VP.HĐND và UBND; Công an; BHXH	**1**	1	0	1	0
2	Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Giải quyết mai táng phí, tử tuất	VP.HĐND và UBND; Công an; P.VHXH	**1**	1	0	1	0
3	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh	P.TCKH-P.VHXH-CA	**1**	1	0	1	0

BẢNG TỔNG HỢP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CÁC ĐƠN VỊ

STT	ĐƠN VỊ	Số lĩnh vực	Số TTHC	Ghi chú

1.	Văn phòng HĐND - UBND đặc khu	10	71	60 TTHC tiếp nhận tại Trung Tâm; 11 TTHC không tiếp nhận tại Trung tâm
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	29	154	
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3	12	Trong đó 2 TTHC (Quản lý công sản chưa phân quyền)
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	14	71	
5	Phòng Nông nghiệp - Môi trường	21	83	
6	Công an đặc khu	3	5	5 TTHC tiếp nhận tại Trung tâm 05 TTHC không tiếp nhận tại trung tâm (tiếp nhận tại Công An)
7	Trung tâm Y tế đặc khu	1	1	Không tiếp nhận tại Trung
8	CN.Văn phòng đăng ký đất đai Phú Quốc	1	15	
9	Bảo hiểm xã hội Phú Quốc	4	24	